TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2023
V/v tranh chấp về HN & GĐ- ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Bùi Văn Dũng

- *Thư ký phiên toà*: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 401/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Dương Thu Th, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 154/5, Tổ 57, Khóm 4, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Đường Ngô Thì Nhậm (phía trước cổng trường học Kim Hồng), Phường C, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Hoàng M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 154/5, Tổ 57, Khóm 4, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

(Chị Th có mặt tại phiên tòa, Anh M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Dương Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M quen nhau, sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh chị tổ chức đám cưới năm 2007. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, Quyển số 1, ngày 26/5/2009.

Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh M thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện và rượt đánh chị Th. Vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù vợ chồng còn chung sống với nhau nhưng công việc ai người đó làm. Đến tháng 5/2023 chị Th và anh M đã ly thân đến nay. Nay, chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Th yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hoàng M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Hoàng Minh M, sinh ngày 23/5/2012, hiện con chung đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn anh M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh M nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Th và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh M có địa chỉ tại Phường B, thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Th và anh M được xác lập năm 2009, hôn nhân của chị Th và anh M là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường B, thành phố Cao Lãnh vào ngày 26/5/2009 nên quan hệ hôn nhân của chị Th và anh M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa chị Th và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện và rượt đánh chị Th nhiều lần nên vợ chồng không còn có tiếng nói chung từ năm 2013 đến nay. Chị Th cho rằng giữa chị và anh M đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân chị Th cũng cố gắng để xem xét lại chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được tình cảm, do anh M không thay đổi tính tình. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, nếu tiếp tục chung sống thì không thể. Do đó, chị Th cương quyết ly hôn với anh M. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã triệu tập anh M nhiều lần nhằm để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Th và anh M nhưng anh M không đến Tòa trình bày ý kiến và cũng không nộp văn bản ý kiến có muốn hàn gắn tình cảm với chị Th hay không. Trong khi chị Th cương quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th và anh M có 02 con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Hoàng Minh M, sinh ngày 23/5/2012, hiện con đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con nên Hội đồng xét xử giao cháu Lê Hoàng Ph và cháu Lê Hoàng Minh M cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph và cháu M có nguyện vọng được sống với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thu Thủy. Chị Dương Thu Thủy được ly hôn với anh Lê Hoàng Minh.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Hoàng Phát, sinh ngày 08/10/2008 và Lê Hoàng Minh Mẫn, sinh ngày 23/5/2012 cho chị Thủy nuôi dưỡng, hiện con đang sống chung với chị Dương Thu Thủy.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Dương Thu Th không yêu cầu anh Lê Hoàng M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị Dương Thu Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị Dương Thu Th trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Dương Thu Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Dương Thu Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007042 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Dương Thu Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoàng M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- UBND Phường B, TPCL;
(Số 39/2009, ngày 26/5/2009;
Quyển số 01);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đình Đoan Hùng – Nguyễn Hồng Thơ	**Lê Thị Mỹ**